

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Châu Khon Sốc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 283/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 12, ấp Càn Thuận, xã Càn Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (có mặt);
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hít L, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 8, ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2021, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án bà Phan Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008 bà và ông Hit L quen biết nhau do tự tìm hiểu nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và đến năm 2010 thì có đăng ký kết hôn số 05, quyển số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với nhau tại tổ 8, ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông L không biết lo cho gia đình mà còn

ngoại tình nên cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Bà T và ông L thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2009 và Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2011. Bà T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn ông Nguyễn Hít L. Tuy nhiên, ông L vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hít L có địa chỉ tại tổ 8, ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L. Nhưng tại phiên tòa, ông L vẫn vắng mặt. Xét đây là lần vắng mặt thứ hai của ông L nên

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Vào năm 2008 bà T và ông L quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 05, quyền số 01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của bà T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn giữa năm 2016 nguyên nhân do vợ chồng tính tình không phù hợp, ông L không chăm lo cho gia đình mà ông còn ngoại tình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, nay tình cảm không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Vợ chồng bà T và ông L trước đây sau khi cưới thì vợ chồng có về sống chung với nhau tại địa phương và ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Hiện tại ông L không còn sinh sống tại địa phương và đi đâu thì cũng không báo địa phương biết nên địa phương cũng không biết ông L đi đâu, chỉ biết vợ chồng T – L đã đi làm ăn xa từ năm 2016 cho đến nay.

Xét thấy, lời khai của bà T và biên bản xác minh phù hợp với nhau về việc vợ chồng không còn sống chung với nhau tại địa phương theo địa chỉ tại tổ 8, ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Gia nên việc bà T cho rằng bà đã về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay là phù hợp và thời gian vợ chồng đã đi bỏ địa phương đi từ năm 2016 phù hợp với lời khai của bà T cho rằng vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2016 cho đến nay. Điều này thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn theo bà T cho rằng là do tính tình không phù hợp, ông L không lo cho gia đình và còn ngoại tình nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân 06 năm đủ dài để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng đến nay thì bà T và ông L vẫn còn ly thân đều đó chứng tỏ hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông, bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có hai con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2009 và Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2011. Bà T yêu cầu được nuôi dạy cháu T và cháu T2, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, hiện tại hai cháu T và cháu T2 đang do bà T trực tiếp nuôi dạy và bà T có nghề nghiệp là tiếp thị nên có thu nhập mỗi tháng đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc hai cháu được ổn định. Đồng thời tại bản tự khai cùng ngày 08/6/2022 tại Tòa án thì cả hai cháu T và cháu T2 đều có nguyện vọng

được tiếp tục ở với mẹ. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao hai cháu T và cháu T2 cho bà T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Ông L không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ câu khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Hít L

Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2010 ngày 21/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Phan Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2009 và Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2011. Ông Nguyễn Hít L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008094 ngày 24/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Nguyễn Hít L không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền